

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-9-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con và cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Công;

Ông Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2020 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp LP, xã HL, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- Bị đơn: Phạm Trung T, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp TM1, xã VT, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/3/2020, Đơn khởi kiện sửa chữa bổ sung ngày 23/4/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Nguyên vào chị T và anh T qua tìm hiểu nên quen nhau, đến tháng 01 năm 2003 tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp ngày 22/5/2006. Sau hôn nhân vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không lo cuộc sống gia đình mà thường xuyên ăn nhậu, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, chị T đã cố gắng dung hòa mối quan hệ

vợ chồng nhưng không đạt, đến tháng 8 năm 2019 vợ chồng sống ly thân đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không được nên nhất quyết ly hôn với Phạm Trung T; Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Khôi N, sinh ngày 18/9/2008. Chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Phạm Khôi N, yêu cầu anh Phạm Trung T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi Phạm Khôi N đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2020; Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Bích T cho rằng không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn Phạm Trung T trình bày:

Anh Phạm Trung T và chị Nguyễn Thị Bích T có đăng ký kết hôn đúng như Nguyễn Thị Bích T trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn đúng như chị T trình bày nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà. Hiện nay anh Phạm Trung T vẫn còn thương vợ con, nhận thấy vợ chồng vẫn chưa có mâu thuẫn gì trầm trọng, yêu cầu cho thêm thời gian để hàn gắn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị Bích T; Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Khôi N, sinh ngày 18/9/2008. Nếu Tòa án giải quyết ly thì anh Phạm Trung T đồng ý để chị Nguyễn Thị Bích T được nuôi dưỡng Phạm Khôi N, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi Phạm Khôi N đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2020; Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Nguyễn Thị Bích T và Phạm Trung T đăng ký kết hôn ngày 22/5/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, anh Phạm Trung T không lo kinh tế gia đình, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn, tình trạng hôn nhân của Nguyễn Thị Bích T và Phạm Trung T không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng Nguyễn Thị Bích T vẫn cương quyết xin ly hôn với Phạm Trung T, xét thấy mâu thuẫn của chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Trung T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc Nguyễn Thị Bích T yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị Bích T là có căn cứ.

[2] Về con chung: Nguyễn Thị Bích T và Phạm Trung T có 01 con chung là Phạm Khôi N, sinh ngày 18/9/2008, chị Nguyễn Thị Bích T yêu cầu được tiếp tục nuôi Phạm Khôi N, việc giao con cho ai nuôi là xem xét điều kiện để nuôi con, chị Nguyễn Thị Bích T đang trực tiếp nuôi dạy con tốt và có khả năng nuôi con, hơn nữa Phạm Khôi N có tờ tường trình có nguyện vọng sống với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Nguyễn Thị Bích T yêu cầu Phạm Trung T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020 cho đến khi Phạm Khôi N, sinh ngày 18/9/2008 đủ 18 tuổi. Phạm Trung T đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của Nguyễn Thị Bích T là đúng quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và nợ chung: Nguyễn Thị Bích T và Phạm Trung T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phạm Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của phần cấp dưỡng phù hợp theo khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với Phạm Trung T.
2. Về con chung: Nguyễn Thị Bích T được quyền nuôi dưỡng con chung là Phạm Khôi N, sinh ngày 18/9/2008. Phạm Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020 cho đến khi Phạm Khôi N, sinh ngày 18/9/2008 đủ 18 tuổi.

Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Phạm Trung T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Thị Bích T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000242, ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị Bích T đã nộp xong);

Phạm Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/9/2020).

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã Long Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Đã ký

Nguyễn Trọng Hiếu